

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/DS-ST
Ngày 03/3/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân.

Ông Bùi Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần L1 (L2).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà L, số B Đường T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Trung Đ, sinh năm 1991 (có mặt).

Là đại diện theo văn bản ủy quyền số 246/2025/GUQ-NN ngày 05/8/2025

Địa chỉ liên hệ: Số C, Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Phạm Hoàng N, sinh ngày 16/05/2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn T, sinh ngày 01/01/1976 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 01/01/1979 (vắng mặt).
 3. Bà Phan Thị T1, sinh ngày 01/01/1946 (vắng mặt).
 4. Bà Phạm Thị N1, sinh ngày 24/03/2003 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2025, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Phan Trung Đ là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần L1 (gọi tắt Ngân hàng, hoặc L2) trình bày cho rằng: Ông Phạm Hoàng N đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP L1 (tên gọi cũ Ngân hàng TMCP B) – Chi nhánh S - phòng G, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD883202200150 ngày 12/04/2022, cụ thể như sau: Số tiền vay 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên (ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay) được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ, phương thức cho vay từng lần, mục đích mua sắm đồ gia dụng. Theo khế ước nhận nợ số 883202200150/01 ngày 12/04/2022, số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), thời hạn 60 tháng được tính từ ngày 13/04/2022 đến hết ngày 10/04/2027, lãi suất cho vay 11%/năm, lãi suất nợ lãi trả chậm 10%/năm và lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là hộ ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L, gồm ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị T1, ông Phạm Hoàng N và bà Phạm Thị N1 với Ngân hàng TMCP L1 đã ký hợp đồng thế chấp quyền tài sản số HDTC883202200051 ngày 16/02/2022 để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cùng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thế chấp đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.548m² (đất vườn), tọa lạc ấp M, xã V, huyện N, Sóc Trăng (nay là khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành AM786648, số vào sổ cấp GCN: H.280 do UBND huyện N cấp ngày 03/09/2008 cấp cho hộ ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L.

Do khách hàng là ông Phạm Hoàng N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP L1 và phía Ngân hàng cũng đã nhiều lần đến nhà đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như lập nhiều biên bản làm việc nhưng khách hàng vẫn không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ từ ngày 21/08/2023, là đã vi phạm Điều 7 tại Hợp đồng tín dụng số HDTD883202200150 ngày 12/04/2022. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc Ông Phạm Hoàng N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L1 với tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử 03/3/2026

là 83.521.583 đồng. Trong đó: Nợ gốc 55.949.991 đồng, lãi 16.563.830 đồng và lãi chậm trả lãi 11.007.762 đồng.

+ Buộc ông Phạm Hoàng N phải thanh toán toàn bộ số tiền bao gồm nợ gốc và nợ lãi theo lãi suất đã thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng nêu trên và lãi phát sinh kể từ ngày 04/3/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

+ Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Hoàng N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ và bên thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Phạm Hoàng N theo Hợp đồng hạn mức tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm và các tài sản khác để thu hồi khoản vay.

- Bị đơn ông Phạm Hoàng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L, Phan Thị T1, Phạm Thị N1 vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quy định. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần L1 đối với ông Phạm Hoàng N về tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông N có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn 83.521.583 đồng, gồm nợ gốc 55.949.991 đồng, lãi 16.563.830 đồng và lãi chậm trả lãi 11.007.762 đồng. Đồng thời buộc ông Phạm Hoàng N phải tiếp tục chịu lãi đến khi thanh toán xong tiền vay theo hợp đồng cho vay số HDTD883202200150 ngày 12/04/2022 mà các bên đã ký kết. Trường hợp ông Phạm Hoàng N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC883202200051 ngày 16/02/2022 đối với quyền sử dụng thửa đất số 226, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.548m² (đất vườn), tọa lạc khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn L2 khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với bị đơn không đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu V, phường M, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, xét xử sơ thẩm theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập đến phiên

tòa lần thứ hai, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: L2 khởi kiện ông Phạm Hoàng N yêu cầu trả số tiền 83.521.583 đồng, gồm nợ gốc 55.949.991 đồng, lãi 16.563.830 đồng và lãi chậm trả lãi 11.007.762 đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn giao nộp bản chứng thực bản sao đúng với bản chính hợp đồng tín dụng số HDTD883202200150 ngày 12/04/2022, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC883202200051 ngày 16/02/2022, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 883202200150/01 ngày 12/04/2022, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 786648 do UBND huyện N cấp ngày 03/9/2008 cho hộ ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L. Đối với bị đơn ông Phạm Hoàng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L, Phan Thị T1, Phạm Thị N1 đã được Tòa án thông báo cho biết việc nguyên đơn khởi kiện, nội dung yêu cầu, các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp, được triệu tập tham gia hòa giải, lấy khai và xét xử nhưng vắng mặt, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Qua kiểm tra chứng cứ nguyên đơn giao nộp, ông Phạm Hoàng N ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng TMCP L1 (tên gọi cũ Ngân hàng TMCP B) – Chi nhánh S - phòng G, theo Hợp đồng hạn mức số HDTD883202200150 ngày 12/04/2022 và đã được giải ngân số tiền vay là 80.000.000 đồng. Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và buộc các bên thực hiện đúng giao kết. Tuy nhiên, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, theo quy định tại điểm f khoản 7.1 Điều 7 Hợp đồng hạn mức số HDTD883202200150 ngày 12/04/2022 thì Ngân hàng có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Do đó khởi kiện của L2 về yêu cầu ông Phạm Hoàng N phải thanh toán tiền vay và lãi là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại hợp đồng tín dụng số HDTD883202200150 ngày 12/04/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 883202200150/01 ngày 12/04/2022 có thỏa thuận lãi suất cho vay, lãi suất nợ gốc quá hạn và lãi suất nợ lãi chậm trả phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông N phải chịu lãi trong hạn 11%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm tính đến ngày 03/3/2026 số tiền 27.571.592 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, hộ ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L, gồm ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Phan

Thị T2, ông Phạm Hoàng N và bà Phạm Thị N1 đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC883202200051 ngày 16/02/2022, bên bảo đảm Phạm Hoàng N và bên nhận bảo đảm L2, tài sản bảo đảm quyền sử dụng đất thửa số 226, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.548m² (đất vườn), tọa lạc ấp M, xã V, huyện N, Sóc Trăng (nay là khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AM786648, số vào sổ cấp GCN: H.280 do UBND huyện N cấp ngày 03/09/2008 cấp cho hộ ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L đã thực hiện đăng ký bảo đảm. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông Phạm Hoàng N không có khả năng thanh toán nợ vay hoặc thanh toán không đủ và bên thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, ông Phạm Hoàng N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 100, khoản 1, 2 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần L1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Phạm Hoàng N.

2. Buộc ông Phạm Hoàng N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1 số tiền 83.521.583 đồng (tám mươi ba triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng), gồm vốn gốc 55.949.991 đồng và lãi 27.571.592 đồng.

3. Kể từ ngày 04/3/2026, ông Phạm Hoàng N còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD883202200150 ngày 12/04/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số

883202200150/01 ngày 12/04/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

4. Ngay sau khi ông Phạm Hoàng N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, buộc Ngân hàng thương mại cổ phần L1 có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 786648 do UBND huyện N cấp ngày 03/9/2008 cho hộ ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị Lệ .

5. Trường hợp ông Phạm Hoàng N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần L1 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC883202200051 ngày 16/02/2022, gồm: quyền sử dụng đất thửa số 226, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.548m² (đất vườn), tọa lạc ấp M, xã V, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AM786648, sổ vào sổ cấp GCN: H.280 do UBND huyện N cấp ngày 03/09/2008 cấp cho hộ ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L. Khi xử lý tài sản thế chấp ông Phạm Hoàng N, ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị T1 và bà Phạm Thị N1 có nghĩa vụ bàn giao các tài sản nêu trên cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Hoàng N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền ông Phạm Hoàng N giao nộp được hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1.

7. Về án phí: Ông Phạm Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện là 4.176.079 đồng (bốn triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.940.000 đồng (một triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005950 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai